

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 34/2017/DS-PT
Ngày 18-7-2017
“V/v tranh chấp lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;

Ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2017/TLPT-DS ngày 12/5/2017 về “tranh chấp lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2017/QĐ-PT ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P - Có mặt.

Chị Phạm Thị L - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Minh V - Có mặt.

Chị Đặng Thị Kim N - Vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

+ NLC1 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

+ NLC2– Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

+ NLC3 - Có mặt.

Địa chỉ Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

+ NLC4 - Có mặt.

Địa chỉ Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Hà Minh V – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2016 của anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày:

Năm 2007, anh chị có nhận chuyển nhượng một thửa đất của NLC2, địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 666681, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 108, diện tích 24.766 m², cấp ngày 28/12/2007, đứng tên NLC2. Năm 2012 hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sang tên cho anh P, chị L.

Khi nhận chuyển nhượng đất của NLC2 đã có con đường đi vào rẫy ở phía đông nam giấp đất NLC1 (nay là anh Hà Minh V). Con đường này trước đây do bà con trong xóm thống nhất mỗi gia đình tự bỏ ra một phần đất để làm đường đi chung của xóm, có chiều rộng 04m chạy dài từ gia đình ông Nguyễn Văn T đến gia đình anh chị là cuối cùng. Hàng năm anh chị vẫn đóng tiền để tu sửa đường.

Năm 2008, gia đình anh Hà Minh V nhận chuyển nhượng đất của NLC1, lúc này trên đất của NLC1 đã có con đường đi chung, đến ngày 19/8/2014, anh V trồng hàng trụ tiêu trên con đường, làm con đường hẹp lại chiều rộng khoảng 02m, không đủ cho xe ô tô, máy cày đi lại chở cà phê, phân bón phục vụ sản xuất. Hiện nay ngoài con đường này gia đình anh chị không còn con đường nào khác để đi lại. Vì vậy, anh chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh V chị N mở lại con đường như trước đây với chiều rộng 4m, chiều dài là 73m.

Anh Hà Minh V trình bày: Vào đầu năm 2008 anh có nhận chuyển nhượng một thửa đất của NLC1, tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, diện tích khoảng 1,8ha, tứ cận: Phía đông giáp suối, phía tây giáp đất anh Thanh M, phía nam giáp đất anh Đ, phía bắc giáp đất anh P. Khi sang nhượng hai bên có viết giấy tay không có công chứng, chứng thực. Hiện trạng đất khi mua đã trồng cà phê, có một con đường đất rộng khoảng 2,5m đi từ nhà ông T đến mép rẫy nhà anh. Khi bán rẫy thì NLC1 không nói cho anh là có con đường đi chung của xóm đi từ nhà anh đến nhà anh P.

Đến khoảng năm 2009, anh P tự ý mở đường từ rẫy nhà anh P đi ngang qua rẫy nhà anh nối với con đường của xóm, kích thước con đường khoảng 2m đến 2,5m. Thời điểm anh P làm đường thì anh không có mặt ở nhà, khi về biết được gia đình anh P đã mở đường nhưng anh cũng không có ý kiến gì. Do con đường đi ngang qua sân và gần nhà ở, khách ra vào nhà anh P chạy xe nhanh,

với tốc độ cao dễ gây nguy hiểm cho người đi qua, nên vào năm 2014 anh trồng một hàng trụ gỗ bên đường, nhằm hạn chế bớt tốc độ. Hiện tại con đường rộng khoảng 02m đến 2,5m, vẫn đủ để xe cộ đi qua. Nay anh P, chị L khởi kiện yêu cầu gia đình anh phải mở lại con đường chiều rộng 04m như trước đây anh không chấp nhận, vì kích thước con đường trước đây chỉ khoảng 02m. Anh thừa nhận ngoài con đường này thì anh P không còn con đường nào khác để đi vào rẫy. Anh đồng ý mở một con đường cho anh P đi lại nhưng ở vị trí khác, không phải là vị trí con đường cũ trước đây.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị L được quyền đi lại trên con đường thuộc quyền sở hữu của anh Hà Minh V có kích thước chiều rộng 03m, chiều dài 73m, vị trí: phía đông giáp đất anh Hà Minh V dài 73m, phía tây giáp đất anh Hà Minh V dài 73m, phía nam giáp đường đi chung dài 03m, phía bắc giáp đất của gia đình anh P dài 03m tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị L có trách nhiệm trả cho anh Hà Minh V, chị Đặng Thị Kim N số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2017 anh Hà Minh V làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét một cách chính xác, khách quan, toàn diện, mở lối đi khác cho hộ anh P, chị L để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Minh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Anh V kháng cáo cho rằng anh chấp nhận cho gia đình anh P mở lối đi khác, không phải trên con đường cũ hiện nay đang sử dụng. Xét thấy do con đường đi được các hộ dân tự bỏ đất của gia đình mình để mở có chiều dài

khoảng hơn 01 km, đoạn đường nối từ đất của gia đình anh V đến đất gia đình anh P đang sử dụng, trước đây do NLC4 (chủ đất cũ) tự bỏ đất của gia đình anh để mở, sau đó NLC4 chuyển nhượng lại cho NLC1, năm 2008 NLC1 chuyển nhượng cho anh V. Như vậy, con đường này đã có từ trước, sử dụng ổn định, nhưng khi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh V, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho anh V trên toàn bộ diện tích đất, trong đó có cả con đường đi là không đúng với diện tích đất thực tế các bên chuyển nhượng. Tại phiên toà phúc thẩm, anh P xác định nếu phải mở lại con đường mới cách sân nhà anh V khoảng 10 đến 15m thì ảnh hưởng rất nhiều đến cây trồng của gia đình anh V và đất dốc đứng không thể đi lại được. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và không ảnh hưởng đến tài sản của gia đình anh V, nên để cho gia đình anh P được quyền sử dụng con đường mà từ trước đến nay gia đình anh vẫn sử dụng là phù hợp.

[2]. Anh V cho rằng do vị trí con đường sát vách nhà và sân, nên mỗi lần đi lại gây tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt, gia đình thường xuyên bị kẻ gian trộm cắp tài sản. Xét thấy, đoạn đường này chỉ có hộ gia đình anh P sử dụng nên lượng xe đi lại không nhiều. Tại phiên toà phúc thẩm anh P xác định con đường cách nhà anh V khoảng từ 04 đến 05m, một bên gia đình anh V san đất để làm sân phơi cà phê, chứ không phải đường đi sát vách nhà anh V. Việc anh V cho rằng do đường đi sát nhà nên thường xuyên bị mất trộm, nhưng anh cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc đi lại của gia đình anh P dẫn đến gia đình anh V thường xuyên bị mất trộm, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về nguồn gốc con đường đi hiện nay đang tranh chấp vào khoảng năm 1999 có một lối mòn đi bộ từ rẫy của gia đình NLC2 đến đất nhà anh T dài khoảng hơn 01 Km. Hai đến ba năm sau mọi người trong xóm cùng nhau bàn bạc mở rộng đường khoảng 03m. Năm 2005, mọi người trong xóm cùng nhau góp tiền để thuê máy mức san ủi làm lại đường, sử dụng từ đó đến nay. Tại thời điểm NLC2 chuyển nhượng đất cho gia đình anh P đã có sẵn con đường này.

[4]. Năm 2008, anh Hà Minh V nhận chuyển nhượng đất của NLC1, anh V cho rằng tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của NLC1 thì chỉ có một con đường đất kích thước khoảng 2,5m chạy dài từ nhà anh T đến mép rẫy của nhà anh. Đến đầu năm 2009 gia đình anh P tự ý mở đường từ rẫy của gia đình anh P đi qua rẫy của gia đình anh, nối tiếp con đường của xóm, rộng khoảng 2,5m, khi mở đường gia đình anh không biết, sau đó biết gia đình anh cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên, anh V cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh từ rẫy của gia đình anh đến rẫy của gia đình anh P không có đường đi và đến năm 2009 gia đình anh P mới tự ý mở đường. Mặt khác, lời khai của những người làm chứng như NLC4 (là người chuyển nhượng đất cho NLC1), NLC2 (người chuyển nhượng đất cho gia đình anh P), NLC1 (là người chuyển nhượng lại đất cho anh V), NLC3 (là người trước đây thường xuyên chở hàng hoá cho gia đình NLC2) đều xác định từ lô cao su vào đến rẫy của gia đình NLC2 có một con đường do người dân tự mở để làm đường đi lại, chiều rộng khoảng 03 đến 3,5m (BL 42,50,52,54). Ngày 25/9/2007, giữa gia đình NLC1 và gia đình anh P có

thoả thuận làm giấy đổi đất để nắn lại đường ranh giới phía bên đầu rẫy và mở rộng con đường kích thước chiều rộng lên 04m (chỉ ước chừng, không đo) BL 43. Như vậy, có căn cứ xác định con đường này được các hộ dân tự bỏ đất của gia đình để mở đường đi trong đó có đoạn đường từ rẫy gia đình anh P đi qua rẫy của gia đình anh V (được mở trước khi NLC1 chuyển nhượng cho anh V). Quá trình giải quyết các bên đương sự đều thừa nhận ngoài con đường đang tranh chấp này ra thì gia đình anh P không có con đường đi nào khác.

[5]. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2016 thể hiện con đường từ rẫy của gia đình anh P đi qua rẫy của gia đình anh V dài 73m, rộng 03m. Các trụ gỗ do anh V dựng về phía đông con đường, không có cây tiêu, không làm thu hẹp con đường và không nằm trong phần diện tích con đường. Kết quả định giá diện tích đất là con đường gia đình anh P yêu cầu có giá trị 4.672.000 đồng (BL 112). Tại phiên toà sơ thẩm anh P, chị L xác định diện tích con đường nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh V, nên anh chị tự nguyện trả cho anh V, chị N số tiền 5.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất làm đường đi (BL 168). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L. Anh P, chị L được quyền đi lại trên con đường có kích thước chiều rộng 03m, chiều dài 73m, anh P, chị L phải trả cho anh V, chị N 5.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hà Minh V.

Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có phần thiếu sót, nhưng việc thiếu sót này cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ.

Từ phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh Hà Minh V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hà Minh V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

2. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L.

Anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L được quyền sử dụng con đường đi diện tích chiều rộng 03m, chiều dài 73m, nằm trong thửa đất số 53, tờ bản đồ số 108, diện tích 17.974m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 994303, đứng tên ông Hà Minh V. Tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông tứ cận cụ thể:

- Phía Đông và phía Tây giáp đất ông Hà Minh V dài 73m;
- Phía Nam giáp đường đi chung dài 03m;
- Phía bắc giáp đất của gia đình anh P dài 03m.

Chấp nhận việc anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L tự nguyện bồi thường cho anh Hà Minh V, chị Đặng Thị Kim N 5.000.000 (Năm triệu) đồng giá trị diện tích đất làm đường đi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông điều chỉnh lại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 108, diện tích 17.974m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 994303, cấp ngày 19/01/2011, đứng tên ông Hà Minh V. Tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông cho đúng với diện tích đất thực tế anh V đang sử dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L phải chịu 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp, theo biên lai số 008768 ngày 21/3/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông. Anh P, chị L còn phải nộp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Minh V và chị Đặng Thị Kim N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Phạm Văn P, chị Phạm Thị L phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hà Minh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0004993 ngày 28/4/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thông